

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Bị đơn: Anh Bùi Văn Th; Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2022, chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/3/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thêm vào đó, anh Th là người thường xuyên rượu chè, say xỉn nên không quan tâm gì đến gia đình và vợ con. Vì con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh Th vẫn không thay đổi được tính nết. Hiện tại, chị và anh Th đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 07/10/2004; Bùi Yên C, sinh ngày 17/8/2006 và Bùi Bảo A, sinh ngày 26/3/2019. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do cháu M đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu C và cháu A, chị T vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2022, anh Bùi Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/3/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận bình thường nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chị T thường xuyên đi làm ăn nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Từ năm 2019 đến nay, anh và chị T chính thức sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Nếu chị T không đồng ý đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị T đã trình bày ở trên. Hiện cháu M đã thành niên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu C và cháu A, nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý giao cả 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Th; Về con chung: Giao cháu Bùi Yên C, sinh ngày 17/8/2006 và Bùi Bảo A, sinh ngày 26/3/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã

thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Th không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Th theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh Th cũng đã được triệu tập họp lệ đến phiên hòa giải hai lần nhưng đều vắng nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh Th vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Th.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/3/2004 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhưng đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị T và anh Th đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị T và anh Th đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh Th yêu cầu được đoàn tụ nhưng chị T nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Th.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Hiện cháu Bùi Trà M đã thành niên, chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Bùi Yên C và Bùi Bảo A, cả chị T và anh Th đều yêu cầu được giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu C cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị T và anh Th. Giao cháu Bùi Yên C và Bùi Bảo A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[7]. Về tài sản: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Yên C, sinh ngày 17/8/2006 và Bùi Bảo A, sinh ngày 26/3/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007782 ngày 03/10/2022. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Th. Chị T và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc